

Số: **112/2022/QĐST-HNGĐ**

*Thành phố Huế, ngày 28 tháng 3 năm 2022*

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN  
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HUẾ, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

Căn cứ vào Điều 212 , 213 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;  
Căn cứ vào Điều 51, 53, 55, 57, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc Hôn nhân và gia đình thụ lý số 52/2022/TLST/ HNGĐ ngày 14 tháng 02 năm 2022 về việc: “ Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

*Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

1. Ông Lê Trung H, sinh năm 1976; địa chỉ: Khu phố An Hòa II, thị trấn C, huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị.

2. Bà Nguyễn Thị Hải Y, sinh năm 1975; địa chỉ: Số 104 C1-Khu chung cư Đ, phường T, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Trung H và bà Nguyễn Thị Hải Y kết hôn trên cơ sở tự nguyện vào ngày 11/7/2002 tại Ủy ban nhân dân xã V (nay là thị trấn C), huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị. Sau khi kết hôn, ông H và bà Y chung sống với nhau hạnh phúc một thời gian dài. Đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình không hợp , bất đồng quan điểm sống. Do mục đích hôn nhân không đạt, nên ông H và bà Y tự nguyện thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Ông H và bà Y xác nhận vợ chồng có 02 con chung là Lê Trung K, sinh ngày 08/5/2003 và cháu Lê Trung N, sinh ngày 20/7/2009. Hai bên thỏa thuận giao cháu Lê Trung N cho bà Nguyễn Thị Hải Y trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng đến khi cháu đủ 18 tuổi. Đối với cháu Lê Trung Kt đã thành niên nên việc ở với ai là quyền của cháu.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Lê Trung H tạm thời không cấp dưỡng nuôi con do bà Y không có yêu cầu.

[4] Về tài sản chung: Ông Lê Trung H và bà Nguyễn Thị Hải Y tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về nợ chung: Ông Lê Trung H và bà Nguyễn Thị Hải Y cùng xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về lệ phí Tòa án: Ông Lê Trung H và bà Nguyễn Thị Hải Y mỗi người chịu 150.000 đồng lệ phí ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí dân sự sơ thẩm mà ông Hải, bà Yến đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2021/0000917 ngày 11/02/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Huế. Ông Lê Trung H và bà Nguyễn Thị Hải Y đã nộp đủ lệ phí.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành (ngày 18 tháng 3 năm 2022), không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Trung H và bà Nguyễn Thị Hải Y thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao cháu Lê Trung N, sinh ngày 20/7/2009 cho bà Nguyễn Thị Hải Y trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Đối với cháu Lê Trung K đã thành niên nên việc ở với ai là quyền của cháu.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Lê Trung H tạm thời không cấp dưỡng nuôi con do bà Yến không có yêu cầu.

- Về tài sản chung: Ông Lê Trung H và bà Nguyễn Thị Hải Y tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Ông Lê Trung H và bà Nguyễn Thị Hải Y cùng xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Ông Lê Trung H và bà Nguyễn Thị Hải Y mỗi người chịu 150.000 đồng lệ phí ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí dân sự sơ thẩm mà ông H, bà Y đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2021/0000917 ngày 11/02/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Huế. Ông Lê Trung H và bà Nguyễn Thị Hải Y đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

*Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm*

*2004; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- Đương sự;
- VKSND TP Huế;
- UBND thị trấn C,  
huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị  
(ĐKKH số 15 ngày 11/7/2002)
- Lưu hồ sơ.

**THẨM PHÁN**

**Nguyễn Thị Huế**